TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 130/2026/QĐST-DS	*Lâm Đồng, ngày 03 tháng 07 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 155, 157, 158, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25/6/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 262/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**; Trụ sở: Số B, Đường N, Phường C, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T (Giám đốc quản lý khách hàng cá nhân - phòng xử lý nợ), Ông Y Wăn Buôn K (Chuyên viên tố tụng) và Ông Võ Hoàng N (Chuyên viên quản lý khách hàng);

Bị đơn: Bà **Pơ Jum Nai T1**, sinh năm: 1998 và Ông **Ngô Văn T2**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Pơ Jum Nai T1 và ông Ngô Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.713.127.665 (Một tỷ bảy trăm mười ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Bà Pơ Jum Nai T1 và ông Ngô Văn T2 còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Đ với Bà Pơ Jum Nai T1 và ông Ngô Văn T2 theo Hợp đồng cho vay số 0105/2024/HĐTD/PVB-HXH ngày 03/05/2024 và Khế ước nhận nợ: KUNN ngày 03/05/2024; Hợp đồng cho vay số 0105A/2024/HĐTD/PVB-HXH ngày 03/05/2024 và Khế ước nhận nợ KUNN ngày 03/05/2024 và các thỏa thuận khác giữa Bà P Jum Nai T1 và ông Ngô Văn T2 với Ngân hàng TMCP Đ kể từ ngày 25/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 0504/2023/HĐBĐ/PVB-HXH ngày 07/4/2023 giữa bên thế chấp là bà Pơ Jum Nai T1, ông Ngô Văn T2 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 236, Tờ bản đồ số: 37 xã T, huyện Đ, tỉnh L (nay là xã Đ), Diện tích: 1364 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 642616, số vào sổ cấp GCN: CS02070 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 12/09/2022.

Trường hợp bà Pơ Jum Nai T1 và ông Ngô Văn T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thi hành án.

Trường hợp có tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất thửa đất thửa đất số 236, Tờ bản đồ số: 37 xã T, huyện Đ, tỉnh L (nay là xã Đ), Diện tích: 1364 m² giữa bà Pơ Jum Nai T1, ông Ngô Văn T2 với người thứ 3 (không phải Ngân hàng TMCP Đ) thì việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm được thực hiện sau khi có bản án, quyết định giải quyết tranh chấp đất có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, bà Pơ Jum Nai T1, ông Ngô Văn T2 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

- *Về chi phí tố tụng*: Bà Pơ Jum Nai T1, ông Ngô Văn T2 phải chịu 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đã đóng tạm ứng. Do vậy, bà Pơ Jum Nai T1 và ông Ngô Văn T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- *Về án phí*: Bà P Jum Nai T1 và ông Ngô Văn T2 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.696.915 đồng (Ba mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm mười lăm đồng). Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.674.728 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0007559 ngày 23/4/2026 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2 - Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phúc

